

Họ tên : ..... Số báo danh : .....

Mã đề 101

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta là “Ngã ba Đông Dương”?

- A. Đà Nẵng.                      B. Gia Lai.                      C. Kon Tum.                      D. Đắk Lắk.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Bắc Trung Bộ.                      B. Nam Trung Bộ.                      C. Nam Bộ.                      D. Tây Bắc Bộ.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Điện Biên.                      B. Sơn La.                      C. Lai Châu                      D. Lào Cai

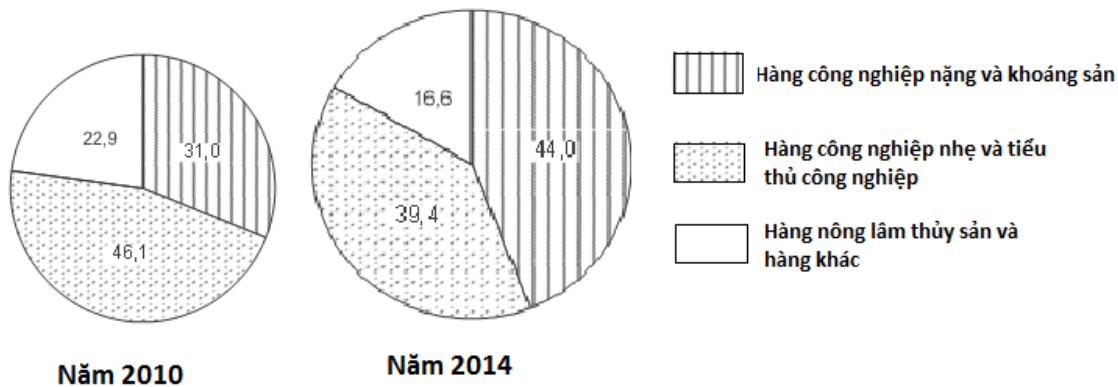
**Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Ba (ĐàRằng).                      B. Lưu vực sông Mê Công.  
C. Lưu vực sông Đồng Nai.                      D. Lưu vực sông Thu Bồn.

**Câu 5:** Vấn đề việc làm ở vùng Đồng bằng sông Hồng trở thành một trong những vấn đề nan giải, nhất là khu vực thành thị vì

- A. nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo lớn.  
B. nguồn lao động dồi dào, tập trung đông ở khu vực thành thị, nền kinh tế còn chậm phát triển.  
C. số dân đông, nguồn lao động dồi dào, trình độ của người lao động hạn chế.  
D. số dân đông, kết cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào, nền kinh tế còn chậm phát triển.

**Câu 6:** Cho biểu đồ:



**CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG, NĂM 2010 VÀ 2014 (%)**

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2010 và năm 2014?

- A. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.  
B. Tỉ trọng hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất.  
C. Tỉ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.  
D. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản luôn lớn nhất.

**Câu 7:** Điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Bắc?

- A. Ở từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  
B. Ở giữa nhô cao, hai đầu hạ thấp.  
C. Hướng tây bắc – đông nam.  
D. Thấp và hẹp ngang.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng ?

- A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.  
B. Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

- C. Tài nguyên đất, nước trên mặt xuống cấp.
- D. Số dân đông, mật độ dân số cao nhất cả nước.

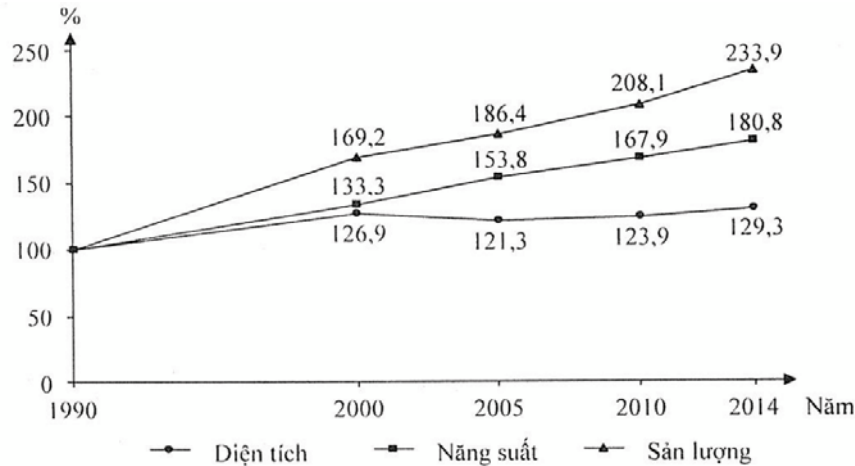
**Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
- B. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
- C. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.
- D. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.

**Câu 10:** Vùng Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống do

- A. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời với nền sản xuất lúa nước phát triển.
- B. có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.
- C. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
- D. nền kinh tế phát triển nhanh với nhiều làng nghề truyền thống.

**Câu 11:** Cho biểu đồ:



### TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990-2014

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa của nước ta, giai đoạn 1990-2014?

- A. Sản lượng lúa có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- B. Năng suất lúa luôn lớn thứ hai sau diện tích.
- C. Diện tích, năng suất và sản lượng lúa đều tăng.
- D. Sản lượng lúa luôn thấp nhất và không ổn định.

**Câu 12:** Nhận định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của tài nguyên rừng?

- A. Cung cấp gỗ, nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp.
- B. Giữ đất, nước và bảo vệ môi trường sinh thái.
- C. Là nơi cư trú của nhiều loài động vật, lưu giữ các nguồn gen quý của thực vật.
- D. Khai thác rừng góp phần mở rộng diện tích cây công nghiệp.

**Câu 13:** Ý nào sau đây **không** chính xác về nguyên nhân Đồng bằng sông Hồng là vùng đông dân nhất nước ta ?

- A. Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- B. Nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động.
- C. Có nhiều đô thị lớn và cơ sở hạ tầng tốt.
- D. Tập trung nhiều khu công nghiệp nhất nước ta.

**Câu 14:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta làm

- A. sản xuất nông nghiệp ổn định.
- B. tăng thêm tính bấp bênh của sản xuất nông nghiệp.
- C. sản xuất nông nghiệp cho năng suất cao.
- D. sản xuất nông nghiệp mang tính tự cung tự cấp.

**Câu 15:** Nhiệt độ trung bình năm của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thấp hơn các vùng khác là do

- A. nằm ở các vĩ độ cao nhất của nước ta.
- B. chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
- C. vị trí gần biển, nên nhiệt độ được điều hòa từ biển.

D. có sự giảm nhiệt độ theo độ cao địa hình.

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có sản lượng lúa cao nhất ?

- A. Trà Vinh. B. Cần Thơ. C. Sóc Trăng. D. An Giang.

**Câu 17:** Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 18:** Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.  
B. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.  
C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và có một mùa đông lạnh.  
D. phần lớn là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 14, hãy cho biết cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Đắc Lắc. B. Kon Tum. C. Mơ Nông. D. Lâm Viên.

**Câu 20:** Để tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết là

- A. đầu tư trang thiết bị hiện đại để đánh bắt xa bờ  
B. phổ biến kinh nghiệm và trang bị kiến thức cho ngư dân  
C. tìm kiếm các ngư trường đánh bắt mới  
D. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết cảng nước sâu Dung Quất thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

**Câu 22:** Việc bảo đảm an ninh lương thực ở nước ta là cơ sở để

- A. cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
B. phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ.  
C. chuyển dịch cơ cấu cây trồng.  
D. đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp

**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, rét đậm, sương muối.  
B. thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.  
C. dân số quá đông, mật độ dân số cao.  
D. diện tích đất nông nghiệp đang có xu hướng thu hẹp nhanh.

**Câu 24:** Nhân tố nào sau đây **không** có ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường biển?

- A. Chất thải sinh hoạt bắn vào biển chưa qua xử lý.  
B. Các sự cố đắm tàu, tràn dầu, sự cố khai thác dầu.  
C. Chất thải công nghiệp vào biển chưa qua xử lý.  
D. Động đất, núi lửa, sóng thần, biến đổi khí hậu.

**Câu 25:** Việc giải quyết vấn đề nào sau đây đòi hỏi có sự hợp tác toàn cầu?

- A. Chống khan hiếm nước ngọt. B. Bảo vệ môi trường ven biển.  
C. Ổn định hòa bình thế giới. D. Sử dụng hợp lý tài nguyên.

**Câu 26:** So với nhóm nước phát triển, nhóm nước đang phát triển có dân số

- A. trẻ và ít hơn. B. già và đông hơn. C. trẻ và đông hơn. D. già và ít hơn.

**Câu 27:** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ TRUNG BÌNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2010-2015**

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2013	2014	2015
Cả nước	86 947,4	89 759,5	90 728,9	91 709,8
Đồng bằng sông Hồng	19 851,9	20 481,9	20 705,2	20 912,2
Đồng bằng sông Cửu Long	17 251,3	17 448,7	17 517,6	17 589,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về dân số trung bình của đồng bằng sông hồng và đồng bằng sông cửu long, giai đoạn 2010-2015?

- A. Đồng bằng sông Hồng tăng chậm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng tăng bằng nhau.

C. Đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm hơn cả nước.

D. Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh hơn cả nước.

**Câu 28:** Hậu quả nào sau đây do cơ cấu dân số già gây ra?

A. Tăng chi phí phúc lợi xã hội.

B. Tôn chi phí đào tạo nghề.

C. Tăng áp lực lên tài nguyên.

D. Thất nghiệp, thiếu việc làm.

**Câu 29:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế?

A. Thành phố Hồ Chí Minh.

B. Vũng Tàu.

C. Cần Thơ.

D. Biên Hòa.

**Câu 30:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2000 và năm 2007?

A. Tỉ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp giảm, thủy sản tăng.

B. Tỉ trọng nông nghiệp giảm, lâm nghiệp và thủy sản tăng.

C. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản tăng.

D. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản giảm.

**Câu 31:** Biểu hiện của thương mại thế giới phát triển mạnh là

A. vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng lớn.

B. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng trên toàn thế giới.

C. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

D. các công ty xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

**Câu 32:** Cho bảng số liệu:

**TỔNG GDP TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
In-dô-nê-xi-a	755 094	917 870	912 524	890 487	861 934
Thái Lan	340 924	397 291	419 889	404 320	395 168
Xin-ga-po	236 422	289 269	300 288	306 344	292 739
Việt Nam	116 299	156 706	173 301	186 205	193 412

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng GDP trong nước theo giá hiện hành của một số quốc gia, giai đoạn 2010-2015?

A. In-dô-nê-xi-a tăng liên tục.

B. Thái Lan tăng thấp nhất.

C. Việt Nam tăng liên tục.

D. Xin-ga-po tăng nhanh nhất.

**Câu 33:** Nhận định nào sau đây *chưa chính xác* khi đánh giá về thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

A. Phát triển lâm nghiệp, kể cả khai thác rừng và trồng rừng.

B. Phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới, có cả sản phẩm cận nhiệt đới.

C. Phát triển tổng hợp kinh tế biển, du lịch.

D. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

**Câu 34:** Cho bảng số liệu:

**TỈ SUẤT SINH THỒ VÀ TỬ SUẤT TỬ THỒ CỦA NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 2009-2015**

(Đơn vị: %)

Năm	2009	2011	2013	2015
Tỉ suất sinh thồ	17,6	16,6	17,0	16,2
Tỉ suất tử thồ	6,8	6,9	7,1	6,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ suất sinh thồ và tử suất tử thồ của nước ta, giai đoạn 2009-2015?

A. Tỉ suất sinh thồ tăng, tỉ suất tử thồ giảm.

B. Tỉ suất sinh thồ giảm, tỉ suất tử thồ tăng.

C. Tỉ suất sinh thồ, tỉ suất tử thồ tăng bằng nhau.

D. Tỉ suất sinh thồ luôn lớn hơn tỉ suất tử thồ.

**Câu 35:** Ý nào dưới đây *không đúng* khi nói về nguyên nhân làm cho chăn nuôi gia cầm ở nước ta tăng mạnh?

- A. Nhu cầu thịt gia cầm và trứng cho tiêu dùng ngày càng tăng.
- B. Dịch vụ giống và thú y đã có nhiều tiến bộ.
- C. Nhân dân có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi gia cầm.
- D. Hiệu quả chăn nuôi cao và ổn định.

**Câu 36:** Nước công nghiệp mới là những nước đang phát triển đã trải qua quá trình

- A. công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- B. chuyên môn hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- C. đô thị hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp, đô thị nhất định.
- D. liên hợp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

**Câu 37:** Gió mùa Tây Nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Nam xâm nhập vào nước ta vào thời gian

- A. nửa đầu mùa hạ.
- B. giữa và cuối mùa hạ.
- C. cuối mùa hạ.
- D. nửa sau mùa hạ.

**Câu 38:** Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu là do

- A. đẩy mạnh thâm canh.
- B. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.
- C. mở rộng diện tích canh tác.
- D. áp dụng rộng rãi mô hình quảng canh.

**Câu 39:** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.
- B. trình độ chăn nuôi còn thấp kém, khâu chế biến chưa phát triển.
- C. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- D. công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến vùng tiêu thụ.

**Câu 40:** Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng Đồng bằng sông Hồng vì

- A. nhằm khai thác hợp lý các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.
- B. việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.
- C. nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- D. góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường trong vùng.

----- HẾT -----

Câu \ Mã đề	101	102	103	104	105	106	107	108
1	C	A	D	B	A	B	A	B
2	A	D	D	B	B	A	A	A
3	A	A	C	C	B	B	B	A
4	C	A	A	A	C	C	C	A
5	D	C	A	C	B	A	A	A
6	B	A	B	D	B	C	B	A
7	B	D	B	D	D	D	B	C
8	B	D	C	C	B	B	C	D
9	C	C	B	B	A	C	B	C
10	A	B	B	C	D	D	B	D
11	C	B	A	B	D	C	D	B
12	D	C	D	D	C	B	C	A
13	D	D	B	C	C	B	B	B
14	B	C	B	A	D	C	D	B
15	B	A	C	B	C	D	C	D
16	D	B	C	B	C	D	A	D
17	B	C	A	B	A	D	A	A
18	C	C	D	A	D	A	C	C
19	D	A	D	B	A	D	C	D
20	A	C	A	D	C	D	D	C
21	B	D	A	D	A	B	B	A
22	D	C	B	A	D	C	D	C
23	C	B	D	C	D	C	C	C
24	D	B	C	A	D	A	D	B
25	C	D	D	B	B	A	D	B
26	C	A	C	D	B	D	D	C
27	C	A	D	A	A	A	D	C
28	A	B	A	A	B	B	B	B
29	A	A	C	D	A	B	B	D
30	A	B	A	C	B	C	A	D
31	A	C	B	C	A	B	C	A
32	C	D	B	D	C	A	C	C
33	B	D	A	D	D	D	A	B
34	D	D	D	C	A	B	A	B
35	D	C	A	B	C	C	A	D
36	A	B	B	A	A	D	D	C
37	B	A	C	A	C	C	A	B
38	A	D	C	C	B	A	C	D
39	D	B	C	D	C	A	B	A
40	B	B	D	A	D	A	D	D

